TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ MỸ HÀO** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HS-ST
Ngày: 25/8/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỸ HÀO, TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Ngọc Lâm
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông: Phan Xuân Hùng.
2/ Ông: Nguyễn Mạnh Hà.
Thư ký phiên toà: Ông Lê Mạnh Hùng - Cán bộ TAND thị xã Mỹ Hào
Đại diện VKSND thị xã tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Yến - KSV.

Ngày 25 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở, TAND thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2021/TLST-HS ngày 30/7/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST-HS ngày 11/8/2021 đối với bị cáo:

*** Nùng Văn L** (tên gọi khác T) - sinh năm 1993 Giới tính: Nam
HKTT: Bản Ch C, xã H N, huyện Th U, tỉnh L Ch.
Chỗ ở: Thôn L Đ, xã M C, huyện YM, tỉnh HY
Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Thái Tôn giáo: Không
Nghề nghiệp: Lao động tự do Chức vụ: Không Trình độ học vấn: 07/12
Họ, tên bố: Nùng Văn P, sinh năm 1953.
Họ, tên mẹ: Vàng Thị Đ, sinh năm 1951.
Họ, tên vợ: Tòng Thị Th, sinh năm 1994.
Bị cáo có 01 con sinh năm 2016.
Tiền án, tiền sự: Chưa
Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/5/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H Y. Có mặt tại phiên tòa.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị cáo: Bà Vương Thị Thanh Nhàn.
Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H Y.
Có mặt tại phiên toà.

***Những người bị hại**:

1/Chị: Lê Thị B, sinh năm 1990.

2/Anh: Lê Duy H, sinh năm 1986.

Trú tại: Tổ dân phố Ph B, phường D S, thị xã M H, tỉnh HY.

(đều vắng mặt tại phiên tòa)

***Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn L V, xã T L, huyện YM, tỉnh HY.

***Những người làm chứng.**

1/Anh: Lê Đình H1, sinh năm 1996.

2/Anh: Vũ Trường T1, sinh năm 1984.

Đều trú tại: Tổ dân phố P B, phường D S thị xã M H, tỉnh H Y. (đều vắng mặt tại phiên tòa)

3/Chị: Tòng Thị Th, sinh năm 1990 (có mặt).

Nơi cư trú: B L, xã M K, huyện Th U, tỉnh L Ch.

Chỗ ở: Thôn L Đ, xã M C, huyện YM, tỉnh H Y.

4/Anh: Đỗ Văn Ch, sinh năm 1989 (có mặt).

Nơi cư trú: Bản S B, xã Ph Th, huyện Th U, tỉnh L Ch.

Chỗ ở: Thôn L Đ, xã M C, huyện YM, tỉnh H Y.

5/Anh: Lò Văn Ph, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Bản Nh V L , xã Ch S, huyện M S, tỉnh S L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nùng Văn L (tên gọi khác là Th), sinh năm 1993, HKTT: Bản Ch C, xã H N, huyện Th U, tỉnh L Ch. L được anh Lê Đình H1, sinh năm 1996 HKTT: Tổ dân phố P B, phường D S, thị xã M H, tỉnh H Y nhận làm thuê bốc vác phế liệu. Hiện L thuê trọ tại: Thôn L Đ, xã M C, huyện YM, tỉnh H Y.

Sáng ngày 28/5/2021, anh H1 giao cho L đến bốc phế liệu cho anh Vũ Trường T1, sinh năm 1984 ở Tổ dân phố P B, phường D S, thị xã M H, đến khoảng 11 giờ cùng ngày L đi bộ từ nhà anh T1 về khu vực lán của nhà anh H1 ở cạnh đường Quốc lộ 5A chiều đường H D - H N để nghỉ trưa. Trên đường đi L quan sát thấy chiếc xe mô tô sơn màu đen bạc, nhãn hiệu Yamaha, biển số đăng ký: 89K4-0662 của gia đình chị Lê Thị B, sinh năm 1990, HKTT:Tổ dân phố P B, phường D S, thị xã M H dựng ở rìa đường, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện, trên xe có chiếc giá chở hàng bằng sắt. L quan sát xung quanh không có người nên đã lấy trộm chiếc xe mô tô nói trên của gia đình chị B rồi đi về phòng trọ tại xã M C, huyện YM. Đến 14 giờ cùng ngày,

L điều khiển chiếc xe mô tô trên đến xưởng sản suất cơ khí của ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1959, HKTT: Thôn L V, xã Th L, huyện YM, tỉnh H Y mượn ông T chiếc cà lê để tháo chiếc giá chở hàng và chiếc gương chiếu hậu bên trái xe. L cài chiếc gương xe vào giá để hàng giữa khung xe còn chiếc giá chở hàng L hỏi ông T "Cháu không dùng đến chiếc giá chở hàng, bác có mua không", ông T đồng ý mua và trả L số tiền 230.000đồng. Sau đó L điều khiển xe mô tô nói trên xuống kh H, thị trấn K S, huyện B G, tỉnh H D mua một gói ma túy với số tiền 230.000đồng. Tại đây L đã sử dụng hết số ma túy nói trên rồi điều khiển xe mô tô về phòng trọ ở xã M C, huyện YM.

Chiều ngày 28/5/2021, chị Lê Thị B có đơn trình báo Công an thị xã M H.

Ngày 29/5/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã M H đã triệu tập Nùng Văn L đến làm việc. Tại cơ quan điều tra L đã khai nhận hành vi lấy trộm chiếc xe mô tô của gia đình chị B và tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra chiếc xe mô tô sơn mầu đen bạc, nhãn hiệu Yamaha, biển số đăng ký: 89K4-0662. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho L chỉ dẫn đến địa điểm lấy trộm chiếc xe mô tô của gia đình chị B và địa điểm nhà ông T mà L đã tháo chiếc giá chở hàng, gương chiếu hậu.

Ngày 29/5/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã M H đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nùng Văn L ở thôn L Đ, xã M C, huyện YM, tỉnh H Y. Kết quả thu giữ tại nóc tủ lạnh kê ở phòng khách 01 chiếc gương chiếu hậu bên trái của xe mô tô.

Cùng ngày 29/5/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã M H đã quản lý tại gia đình ông T chiếc giá chở hàng bằng sắt đã qua sử dụng có kích thước (73x124x52)cm, có khối lượng 26,8kg.

Tại kết luận định giá tài sản số: 25/KL-HĐ ngày 29/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản thị xã M H kết luận: Trị giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, sơn mầu đen bạc, biển số đăng ký: 89K4-0662 là: 2.500.000 đồng; 01 giá chở hàng làm bằng sắt, kích thước (73x124x52)cm có tổng khối lượng: 26,8kg x 8.55đồng/kg = 227.800đồng.

Quá trình điều tra, xác định chiếc xe mô tô là tài sản chung của vợ chồng anh Lê Duy H và chị Lê Thị B. Ngày 03/6/2021, chị B có đơn xin lại tài sản, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã M H đã trả chiếc xe mô tô sơn mầu đen bạc, nhãn hiệu Yamaha, biển số đăng ký: 89K4 - 0662; 01 chiếc gương xe và chiếc giá chở hàng cho chị B. Chị B nhận lại tài sản, không yêu cầu đề nghị gì.

Đối với ông Nguyễn Văn T đã cho Nùng Văn L mượn chiếc cà lê và mua chiếc giá chở hàng nhưng ông T không biết chiếc giá chở hàng trên là do L phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý đối với ông T. Còn số tiền 230.000đồng mua chiếc giá chở hàng, ông T tự nguyện không yêu cầu L phải trả lại.

Đối với hành vi bán trái phép chất ma túy của người đàn ông chưa rõ tên, tuổi, địa chỉ cho Nùng Văn L tại K H, thị trấn KS, huyện B G, tỉnh H D và hành vi L sử dụng trái phép chất ma túy ở địa điểm trên. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã M H đã có Công văn thông báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B G, tỉnh H D để giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Nùng Văn L đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 42/CT-VKSMH ngày 29/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã M H đã truy tố Nùng Văn L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diệnViện kiểm sát nhân dân thị xã M H vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:

Tuyên bố: Bị cáo Nùng Văn L phạm tội "***Trộm cắp tài sản***".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm h,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Khoản 1 điều 38 Bộ luật hình sự. Khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Nùng Văn L từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, thời gian tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 29/5/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 điều 46, điểm b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Truy thu của bị cáo số tiền 230.000đồng do phạm tội mà có.

Về án phí : Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

<u>Tại phiên tòa</u>:

Trợ giúp viên pháp lý bảo về quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo trình bày: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị không lớn và đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì; Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn thuộc diện hộ cận nghèo do địa phương quản lý, bản thân bị cáo là dân tộc thiểu số, sinh ra và lớn lên ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, hiểu biết pháp luật có nhiều hạn chế.Đề nghị hội đồng xét xử xem xét: Áp dụng các điểm h,i,s khoản 1 và khoản 2 điều 51 xử phạt bị cáo ở mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa, cải tạo tốt sớm trở về gia đình và hòa nhập cộng đồng.

Bị cáo Nùng Văn L nhất trí và không có bổ sung bản bào chữa của trợ giúp viên pháp lý, không tranh luận, nhất trí với nội dung bản luận tội của Đại diện Viện kiểm

sát nhân dân thị xã M H; Bị cáo đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về gia đình và hòa nhập công đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1/ *Về tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an thị xã M H và điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã M H và kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2/ *Về nội dung vụ án*: Tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của người bị hại và người làm chứng; Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ án; Kết luận định giá tài sản cùng các vật chứng mà cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 11 giờ ngày 28/5/2021, sau khi làm xong công việc bị cáo đi bộ từ nhà anh T về khu vực lán của nhà anh H để nghỉ trưa. Trên đường đi đến gia đình chị Lê Thị B, sinh năm 1990, HKTT: Tổ dân phố P B, phường D S, thị xã M H phát hiện thấy chiếc xe mô tô sơn màu đen bạc, nhãn hiệu Yamaha, biển số đăng ký: 89K4-0662 của gia đình chị B dựng ở rìa đường, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện, trên xe có chiếc giá chở hàng bằng sắt. Quan sát xung quanh không có người nên đã lấy trộm chiếc xe mô tô nói trên của gia đình chị B rồi đi về phòng trọ tại xã M C, huyện YM. Đến 14 giờ cùng ngày, bị cáo điều khiển chiếc xe mô tô trên đến xưởng sản suất cơ khí của ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1959, HKTT: Thôn L V, xã Th L, huyện YM, tỉnh H Y mượn ông T chiếc cà lê để tháo chiếc giá chở hàng và chiếc gương chiếu hậu bên trái xe. Tại đây bị cáo bán cho ông T chiếc giá chở hàng lấy số tiền 230.000đồng đi mua ma túy sử dụng rồi điều khiển xe mô tô về phòng trọ ở xã M C, huyện YM. Hành vi phạm tội của bị cáo được quy định tại khoản 1 điều 173 BLHS. Viện kiểm sát nhân dân Thị xã MH truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật. Bị cáo có đủ khả năng nhận thức hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, pháp luật nghiêm cấm nhưng do lười lao động, ham chơi bời nên mắc tệ nạn xã hội. Để có tiền tiêu sài bị cáo đã lợi dụng người dân lơ là trong việc sử dụng và quản lý tài sản,buổi trưa tài sản của người dân không được trông coi đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực

tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Do đó, hành vi này phải được xử lý với hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

3/*Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và hướng xử lý đối với bị cáo*:.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo tỏ ra ăn năn hối hận và thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình; tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị không lớn, đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, người bị hại đã nhận lại tài sản và không có ý kiến, đề nghị gì. Bị cáo là dân tộc thiểu số, sinh ra và lớn lên ở vùng có điều kiện khó khăn nên nhận thức và hiểu biết pháp luật có nhiều hạn chế, gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo do địa phương quản lý. Đây là các tình tiết giảm nhẹ TNHS mà bị cáo được hưởng quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Mặc dù bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại điều 51 Bộ luật hình sự nhưng bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy. Để có tiền mua ma túy thỏa mãn cơn nghiện của mình bị cáo đã thực hiện vi trộm cắp tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, khi cân nhắc hình phạt đối với bị cáo, hội đồng xét xử nhận thấy cần bắt bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định như nội dung đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo tại bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa mới có tác dụng, cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

4/ *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo không có công việc, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng. Vì vậy HĐXX xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

5/ *Về trách nhiệm dân sự*: Không đặt ra giải quyết

6/ *Về vật chứng*: Tài sản bị cáo trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu. Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì, do vậy không đặt ra giải quyết.

Đối với số tiền 230.000đồng bị cáo bán chiếc giá sắt cho ông T, bị cáo đã mua ma túy và sử dụng hết, ông T tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải trả lại. Đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có cần truy thu sung công quỹ Nhà nước.

7/ *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173, điểm h,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Khoản 1 điều 38 Bộ luạt hình sự. Khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nùng Văn L (tên gọi khác T) phạm tội "Trộm cắp tài sản"

2. Xử phạt: Bị cáo Nùng Văn L (tên gọi khác T) 01 (một) năm tù, thời gian tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 29/5/2021.

3. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

5. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 điều 46, điểm b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 230.000đồng do bị cáo phạm tội mà có

6. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí sơ thẩm hình sự.

7.Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người bị hại, người có quyền và lợi ích liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh
- VKS +CA + Chi cục THADS thị xã.
- Những người tham gia tố tụng
-Phòng nghiệp vụ CA + Sở tư pháp tỉnh
- Lưu

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Lâm